

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2018/HS-ST

Ngày 10 - 10- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Hoan;
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Nguyên và bà Trịnh Thị Kim Phương.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Ngân, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 72/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 09 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2018/QĐXXST-HS ngày 21/9/2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Viết T, sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: thôn 2, xã P, thành phố H, tỉnh H.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không.

Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T (đã chết);

Vợ: Nguyễn Minh H, sinh năm 1985 và 02 con, lớn sinh năm 2009 nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị tạm giữ ngày 15/3/2018, tạm giam ngày 24/3/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

2. Nguyễn Văn N, sinh năm 1996.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: thôn 7, xã P, thành phố H, tỉnh H.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không.

Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 và bà: Lưu Thị T, sinh năm 1975.

Vợ: Đinh Thị Hoài Th, sinh năm 1998 và 01 con sinh năm 2017.

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị tạm giữ ngày 15/3/2018, tạm giam từ ngày 24/3/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Có mặt

3. Hoàng Đình Đ, sinh năm 1959.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: thôn V, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/10.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không.

Con ông: Hoàng Văn H, sinh năm 1931 và bà: Vũ Thị V, sinh năm 1934.

Vợ: Vũ Thị T, sinh năm 1961 và 05 con, đều đã trưởng thành.

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị tạm giữ ngày 15/3/2018, tạm giam từ ngày 24/3/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên; Có mặt.

4. Nguyễn Thị T₁, sinh năm 1976

Nơi ĐKKHKT và cư trú: thôn Q, xã M, huyện Y, tỉnh H.

Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 7/12.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không.

Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 và bà: Phan Thị B, sinh năm 1955.

Chồng: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1974 và 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2003.

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Anh Nguyễn Văn T₂, sinh năm 1991.

Trú tại: thôn C, xã B, thành phố H, tỉnh H (vắng mặt).

2/ Anh Trần Văn Th, sinh năm 1984.

Trú tại: thôn H L, xã Đ, huyện P, tỉnh H (vắng mặt).

3/ Chị Nguyễn Minh H, sinh năm 1985.

Trú tại: thôn 2, xã P, thành phố H, tỉnh H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, diễn biên tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ ngày 15/3/2018, tổ công tác của phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh Hưng Yên phối hợp cùng công an xã Đình Cao, huyện Phù Cừ bắt quả tang tại nhà Hoàng Đình Đ ở thôn V, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên đang có hành vi bán số lô số đề cho Nguyễn Văn T2 ở thôn C, xã B, thành phố H, tỉnh H và Trần Văn Th (*tức Trần Tiến Th*) ở thôn H L, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

Vật chứng thu giữ: Thu của T2 01 cặp đề có ghi chữ, số với số tiền 2.080.000 đồng (*ký hiệu A1*), và số tiền mặt là 2.100.000 đồng, T2 khai số tiền này mục đích dùng để mua số lô số đề của Đ nhưng chưa kịp trả thì bị bắt; thu của Th, 01 cặp lô đề có các chữ và số với số tiền 1.740.000 đồng (*ký hiệu A2*); thu của Đ 01 tờ giấy có kích thước 15x20cm, hai mặt tờ giấy có ghi các chữ và số (*Đ trình bày đó là bảng ghi số lô, số đề bán được vào ngày 15/3/2018, ký hiệu A3*); 05 tờ giấy lịch có kích thước 7x10 cm; 01 chiếc máy tính CASIO; 02 chiếc bút bi; 01 điện thoại di động NOKIA; 01 quyển sổ Hải Tiến bên trong có ghi chữ và số được đánh số từ 01 đến 04 có chữ ký xác nhận của Đ ở từng trang. Thu trên người Đ số tiền 2.230.000 đồng. Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hưng Yên đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Đình Đ; Kết quả khám xét không phát hiện thu giữ gì.

Bản kết luận giám định số 156/PC54 ngày 27/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Chữ và số trong các tài liệu cần giám định ký hiệu là A1, A2, A3 so với chữ viết và chữ số của Hoàng Đình Đ ở 03 tờ giấy khổ A4 có chữ và số của Đ ký hiệu là M1, M2, M3 là của cùng một người viết ra.

Tại cơ quan điều tra, Hoàng Đình Đ khai nhận: Đ làm thư ký bán số lô, số đề cho Nguyễn Viết T, hàng ngày vào các buổi chiều Đ ghi số lô, số đề cho những người chơi đến chơi tại nhà, sau đó đến khoảng 18 giờ thì Đ điện thoại từ số thuê bao 01642.558.257 của Đ đến số điện thoại của T là 0965.150.481 để chuyển các số lô, số đề cho T để hưởng phần trăm. Đ đã giải thích và tự cộng tổng bảng số lô, số đề đã bán được vào ngày 15/3/2018 là 10.990.000 đồng.

Cùng ngày 15/3/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Nguyễn Viết T tại thôn 2, xã P, thành phố H, tỉnh H. Đã thu giữ các đồ vật, tài liệu gồm: Thu ở túi quần bên phải T đang mặc 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu ghi đen; thu tại gầm bàn để máy tính trong phòng ngủ của T 01 điện thoại di động Nokia màu nâu; 01 chiếc điện thoại Iphone màu đen; 01 chiếc điện thoại Iphone màu trắng; thu trên mặt bàn vi tính 01 tập vở kẻ ngang kích thước khoảng 20x25cm, bên trong có bốn tờ đều có chữ và số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 04, có chữ ký xác nhận của T; thu trong ngăn kéo bàn máy vi tính kê trong phòng ngủ của T 01 quyển sổ có kích thước khoảng 7x10cm, bên trong có 21 tờ có các chữ và số, có chữ ký xác nhận của T; 01 tờ giấy A4 một mặt có các chữ và số; 01 máy tính laptop nhãn hiệu Acer màu đen đã cũ; thu trong két sắt số tiền 21.200.000 đồng; thu tại bộ quạt thông gió trong nhà vệ sinh 01 gói nilon màu xanh bên trong có 01 cục bột màu trắng (*được niêm phong đánh số III*); thu tại ngăn kéo trong tủ quần áo

kê tại phòng ngủ của T 01 quyển sổ bìa cứng màu xanh kích thước khoảng 7x12cm và 01 quyển sổ đầu kẹp lò xo kích thước khoảng 7x12cm và 01 quyển sổ có một đầu kẹp lò xo kích thước khoảng 10x15cm trong các quyển sổ có chữ và số; thu trong phòng ngủ của T 05 thẻ ngân hàng; thu tại mặt bàn máy tính ở trong phòng ngủ của T 02 máy tính nhãn hiệu Casio; thu trong két sắt trong phòng ngủ nhà T: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Văn Thu, đã chuyển nhượng cho Lê Quang V địa chỉ số 12 Trần Quốc T, phường Q, thành phố H; 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng Nguyễn Viết T và Lê Quang V; 100 tờ giấy hóa đơn nộp tiền và biên lai thu tiền ngân hàng; 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA màu đen, BKS 89A-08719 và 01 giấy biên nhận thế chấp số 04 ngày 19/01/2018 của ngân hàng Quốc dân chi nhánh Hưng Yên.

Khi khám xét nhà ở của T, Cơ quan điều tra phát hiện Nguyễn Văn N, đang ở trong phòng ngủ của T để giúp T mua bán số lô, số đề của những người chơi chuyển đến thông qua điện thoại di động. Kiểm tra người N thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng.

Quá trình điều tra xác định: Vào khoảng đầu tháng 8/2017, thấy việc tổ chức chơi số đề có lợi nhuận, Nguyễn Viết T đã đứng ra làm chủ ghi, bán số lô, số đề và nhận bằng lô, đề qua cuộc gọi, tin nhắn SMS và qua tin nhắn mạng xã hội Zalo cho các đối tượng. T thuê Nguyễn Văn N (*là cháu họ của T*) là người nhận tin nhắn lô đề của khách chuyển đến thông qua Zalo và SMS đến số điện thoại của T, và nhắn lại "OK" cho khách; N còn giúp T nhận các cuộc gọi của khách mua số lô, số đề gọi đến số điện thoại của T rồi ghi các số lô, số đề vào một tờ giấy sau đó đưa lại cho T và ngày hôm sau đi thanh toán tiền thắng thua cho các thư ký ghi lô đề cho T. Tiền công 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/01 tháng. Nguyễn Viết T liên hệ với Hoàng Đình Đ ở thôn V, xã Đ, huyện P, tỉnh H; Lý Ngọc Đ (Đ tây) ở thôn TQ, xã N L, huyện K, tỉnh H; Lều Văn H ở thôn 2, xã P, thành phố H, tỉnh H; Nguyễn Thị T1, ở thôn Q, xã M, huyện Y, tỉnh H; và một người tên L ở thành phố MC, tỉnh Q; một người tên Ngọc A ở xã T, huyện K và một người tên M (*em của Ngọc A*). T đặt vấn đề với những người này sẽ ghi số lô đề rồi chuyển cho T để hưởng phần trăm. Theo T khai: sau khi mua số lô, số đề của những đối tượng nêu trên, T tổng hợp lại, thấy số lô, số đề nào không có khả năng trúng thì T giữ lại, còn các số có khả năng trúng thì T sẽ chuyển cho Đào Phương L ở thôn BH, xã Th, huyện T, tỉnh H; Lê Quang V, ở số nhà 12A Trần Quốc T, phường Q, thành phố H, tỉnh H; Trần Văn Th1 ở thôn QT, xã TH, thành phố H, tỉnh H. Việc thanh toán được thua tiền đánh bạc được Nguyễn Văn N thực hiện vào khoảng 14 giờ ngày hôm sau.

Phương thức đánh bạc dưới hình thức ghi bán số lô, số đề của T và các thư ký thỏa thuận như sau : Mỗi số đề hoặc số lô là một cặp số tự nhiên gồm 2 chữ số từ 00 đến 99, lô xiên 2 là hai cặp số, lô xiên 3 là ba cặp số, ba càng là 3 số tự nhiên; người chơi gọi điện, nhắn tin qua mạng SMS và Zalo để đánh bạc. Sau khi có kết quả mở thưởng, so sánh được thua sau đó thanh toán và đối trừ. Người chơi lô, đề tự qui ước với nhau về cách chơi, cách tính và so sánh trúng hay trượt lô, đề như sau: Đối với số đề người chơi sẽ so sánh các số đã đánh với

hai số cuối cùng giải đặc biệt của kết quả xổ số mở thưởng cùng ngày, nếu số đề trùng thì thư ký phải thanh toán trả cho người chơi số tiền gấp 70 lần số tiền mà người chơi đã mua; đối với số đề ba càng, người chơi so sánh các số đã đánh với 3 số cuối cùng giải đặc biệt của kết quả xổ số mở thưởng cùng ngày, nếu trùng thì thư ký phải thanh toán trả người chơi số tiền gấp 400 lần số tiền mà người chơi đã mua; Đối với lô, so sánh với hai số cuối của 27 giải nếu trùng thì thư ký phải I toán trả cho người chơi số tiền gấp 80 lần số tiền đã mua số đó, nếu có nhiều giải có 2 số cuối trùng thì nhân gấp nhiều lần tương ứng; Đối với lô xiên hai hoặc xiên ba người chơi so sánh các số lô của mình đã chọn với hai số cuối cùng của 27 giải mở thưởng cùng ngày, nếu có hai cặp hoặc ba cặp số trùng với hai cặp, ba cặp số đã mua thì trúng lô, thư ký phải thanh toán trả người chơi số tiền gấp 10 lần số tiền đã mua số lô xiên 2 hoặc số tiền gấp 40 lần số tiền đã bỏ mua số lô xiên 3. Ngoài ra các thư ký lô, đề và những người chơi còn quy ước với nhau một số từ nôm trong việc đánh đề như đầu, đít, kếp, vị với cách tính được thua tương tự như số đề. Đối với số đề, ba càng, đầu, đít, dây, vị, lô xiên T sẽ thu lại là 72% số tiền bán được, còn đối với lô T thu là 21.800 đồng. Đ bán cho người mua trực tiếp là 22.000 đồng; được hưởng lợi 200 đồng/01 điểm lô, còn các thư ký khác T không biết bán cho người chơi số tiền thực tế là bao nhiêu đối với mỗi số lô và số đề. Còn khi T chuyển bảng cho Th, L, V thì đối với mỗi số lô là 21.700 đồng, số đề là 71% số tiền đề.

Kiểm tra điện thoại di động của T phần tin nhắn Zalo, SMS trong ngày 15/3/2018 có những tin nhắn gửi đi, gửi đến liên quan đến hành vi đánh bạc như sau:

1. Nguyễn Thị T1 có số điện thoại: 0987.917.568. T1 đã gửi tin nhắn mua bán số lô, số đề qua ứng dụng SMS đến số điện thoại của T là: 0971.773.793 với tổng số tiền đánh bạc là 15.680.000 đồng.

Ngày 17/3/2018, Nguyễn Thị T1 đã đến Cơ quan điều tra khai nhận về hành vi phạm tội của mình và giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, bên trong còn lưu toàn bộ tin nhắn đã gửi mua số lô, số đề với T vào ngày 15/3/2018.

2. Tin nhắn mua số lô, đề có giá trị: 15.330.000 đồng được gửi qua ứng dụng SMS của số điện thoại 0986.907.989 đến số điện thoại của T là: 0971.773.793.

Theo lời khai của T, số điện thoại: 0986.907.989 là của anh Lều Văn H, thôn 2, xã P, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, nhưng anh H không thừa nhận việc mua bán số lô, đề với T. Quá trình điều tra xác định số điện thoại 0986.907.989 chủ thuê bao là Trần Văn D sinh ngày 12/2/1998 có địa chỉ ở BK, huyện KC, tỉnh H, có số CMTND là 145765411, kết quả xác minh không có ai có họ tên như trên có hộ khẩu tại xã BK huyện KC.

3. Tin nhắn mua số lô, đề có giá trị 9.450.000 đồng được gửi qua ứng dụng mạng Zalo với tài khoản tên “Tây” của số điện thoại 0988.593.422 đến Zalo của T có tên tài khoản là “Inter”.

Theo lời khai của T thì số điện thoại và tài khoản Zalo có tên “Tây” là của anh Lý Ngọc Đ thôn TQ, xã N L, huyện K, tỉnh H. Nhưng anh Lý Ngọc Đ không thừa nhận việc mua bán số lô đề với T. Quá trình xác minh xác định, số điện thoại 0988.593.422, chủ thuê bao là chị Nguyễn Thị Th sinh ngày 01/02/1985, tại Cơ quan điều tra, chị Th khai đã mất điện thoại từ khoảng tháng 2/2018.

4. Tin nhắn mua số lô, đề có giá trị 13.784.000 đồng được gửi qua ứng dụng Zalo có tên là “L Nguyễn”.

Theo lời khai của T, tin nhắn trên là của một người tên là L ở thành phố MC, tỉnh Q.

5. Tin nhắn mua số lô, đề có giá trị 44.100.000 đồng được gửi qua ứng dụng SMS từ số điện thoại 01639.202.051 đến số điện thoại của T là 0971.773.193. Theo lời khai của T là của một người tên là M. Kết quả điều tra xác định, số điện thoại 01639.202.051, chủ thuê bao là anh Trần Hữu G sinh ngày 27/5/1999 ở xã QH, huyện P, tỉnh H, qua xác minh công an xã QH, huyện P không xác định được ai có họ tên như trên tại địa bàn xã QH.

Ngày 15/3/2018, T đã gửi tin nhắn đề mua số lô, đề có giá trị là 27.500.000 từ tài khoản Zalo của T là “Inter” đến tài khoản Zalo có tên là “A Th 2” của số điện thoại 0964.995.186. Theo T khai, số điện thoại và tài khoản Zalo trên là của anh Trần Văn Th1, sinh năm 1979, ở thôn QT, xã T H, thành phố H, tỉnh H.

Kết quả điều tra xác định, số điện thoại 0964.995.186, chủ thuê bao là của anh Hoàng Văn Th2 sinh ngày 12/12/1994 ở ĐK, huyện KC, tỉnh H. Nhưng anh Th1 khai không đăng ký số điện thoại nêu trên và không quen biết, quan hệ gì với T, anh đang sử dụng điện thoại số 0967.838.909.

Căn cứ vào lời khai của T và N, ngày 16/3/2018 và ngày 17/3/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đào Phương L; Nguyễn Thị T1; Lý Ngọc Đ; Lê Quang V, kết quả không thu giữ đồ vật, tài liệu gì; đối với Lều Văn H và Trần Văn Th1 không thi hành được lệnh khám xét khẩn cấp.

Số điện thoại 0981.788.261 T khai là của Đào Phương L, quá trình điều tra xác minh số thuê bao trên có chủ thuê bao tên là Võ Ngọc V1 sinh ngày 08/7/1995 ở H M, huyện T H, tỉnh Ph Y. Cơ quan điều tra đã ủy thác điều tra cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện H M, tỉnh Ph Y. Qua xác minh không có ai có họ tên và ngày tháng năm sinh như đã nêu.

Tại bản kết luận giám định số 143 ngày 20/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Cục chất bột màu trắng có khối lượng 2.322 gam không phải là ma túy.

Như vậy, ngày 15/3/2018 Hoàng Đình Đ có hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề là 10.990.000 đồng; Nguyễn Thị T1 là 15.680.000 đồng; Nguyễn Viết T và Nguyễn Văn N đánh bạc với tổng số tiền 109.334.000

đồng (gồm: 15.330.000 đồng (tin nhắn MSM của H) + 9.450.000 đồng (tin nhắn Zalo của Đ Tây) + 13.784.000 đồng (tin nhắn Zalo của L Móng Cái) + 44.100.000 đồng (tin nhắn MSM của M em Ngọc A) + 10.990.000 đồng (bảng của Đ) + 15.680.000 đồng (tin nhắn MSM của T1).

Đối với Trần Văn Th và Nguyễn Văn T2 đã có hành vi đánh bạc, nhưng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc dưới 05 triệu đồng nên Cơ quan điều tra ra quyết định xử phạt hành chính.

Đối với Lều Văn H; Lý Ngọc Đ (Đ Tây); Trần Văn Th1; Đào Phương L; Lê Quang V đều không thừa nhận việc mua bán lô, đề với T. Quá trình điều tra chưa có căn cứ chứng minh nên không đủ căn cứ xử lý đối với H; Đ; Th1; L và V.

Đối với những người có tên Ngọc A; M và L không xác định được tên cũng như địa chỉ nên không đủ căn cứ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 76/QĐ-VKS-P2 ngày 06/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố Nguyễn Viết T, Nguyễn Văn N đều về tội Đánh bạc, theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 321 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Thị T1, Hoàng Đình Đ đều về tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Viết T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị T1 và Hoàng Đình Đ khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Các bị cáo đề nghị được xin lại những đồ vật, tài sản và tiền bị thu giữ.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hưng Yên luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo nội dung bản cáo trạng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Viết T, Nguyễn Văn N; Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Hoàng Đình Đ, Nguyễn Thị T1; áp dụng khoản 3 Điều 321 đối với bị cáo Hoàng Đình Đ; áp dụng khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T1.

Phạt T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; Phạt N từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù; Phạt Đ từ 07 đến 09 tháng tù; Phạt T1 từ 07 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Giao bị cáo T1 cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung T, N và Đ mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với T1.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

-Trả lại cho bị cáo T: 01 điện thoại di động Nokia màu nâu; 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu đen; 01 máy tính laptop nhãn hiệu Acer màu đen

trắng; số tiền 21.200.000 đồng; 05 thẻ ngân hàng; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Văn Thu; 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng Nguyễn Viết T và Lê Quang V; 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA màu đen, BKS 89A-08719; 01 giấy biên nhận thế chấp số 04 ngày 19/01/2018 của ngân hàng Quốc Dân chi nhánh Hưng Yên.

- Tịch thu cho phát mại nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu ghi đen (kèm 01 sim), 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu trắng, 02 máy tính nhãn hiệu Casio của T; 01 chiếc máy tính CASIO và 01 điện thoại di động NOKIA (kèm 02 sim) của Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng của N; 01 điện thoại di động samsung màu vàng đen (kèm 02 sim) của T1.

- Tịch thu cho tiêu hủy các đồ vật không có giá trị: 05 tờ giấy lịch; 02 chiếc bút bi; 01 phong bì hoàn mẫu vật giám định.

- Đối với: 01 tập vở kẻ ngang, bên trong có 04 tờ giấy kẻ ngang; 01 quyển sổ, bên trong có 21 tờ giấy kẻ ngang; 01 tờ giấy A4 một mặt có các chữ và số; 02 quyển sổ bìa cứng màu xanh; 02 quyển sổ đầu kẹp lò xo, 100 tờ giấy hóa đơn nộp tiền và biên lai thu tiền ngân hàng đã thu của T; 01 tờ giấy kích thước 15x20cm; 01 quyển sổ Hải Tiến thu của Đ; 01 cap đề có ghi chữ, số với số tiền 2.080.000 đồng (ký hiệu A1) thu của Th; 01 cap đề có các chữ và số với số tiền 1.740.000 đồng (ký hiệu A2) thu của T2 là tài liệu, chứng cứ nên lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 2.100.000 đồng thu của T2; số tiền 2.230.000 đồng thu của Đ. Tổng cộng là 4.330.000 đồng.

Truy thu của bị cáo T1 số tiền 15.680.000 đồng; của bị cáo Đ số tiền 6.660.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo Nguyễn Viết T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị T1, Hoàng Đình Đ nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Nguyễn Viết T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị T1, Hoàng Đình Đ: Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xử các bị cáo mức án thấp nhất. Bị cáo T1 xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi , quyết định tố tụng : Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hưng Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên , kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền , trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa , các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng , người tiến hành

tổ tụng. Do đó các hành vi, quyết định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Viết T, Nguyễn Văn N, Hoàng Đình Đ, Nguyễn Thị T1 tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các anh Nguyễn Văn T2, Trần Văn Th, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, như: Bản sao in tin nhắn số lô, số đề trong điện thoại của T; các bảng ghi số lô, số đề của Đ, T1; cấp ghi số lô, số đề của T2, Th ... Đã có đủ cơ sở kết luận: Với động cơ vụ lợi, muốn kiếm tiền thông qua việc chơi đánh bạc, trong khoảng thời gian khoảng tháng 2 năm 2018 Nguyễn Viết T đã liên hệ với một số người làm thư ký ghi lô, đề và trực tiếp chơi lô, đề thông qua gọi điện thoại hoặc chuyển bảng lô, đề cùng số tiền chơi qua mạng Zalo; SMS tới số điện thoại của T là 0965.150.481 và 0971.773.793. T đã thuê Nguyễn Văn N làm người giúp việc ghi chép, theo dõi việc chuyển bảng lô, đề và thanh toán tiền. Căn cứ vào tài liệu điều tra và kết quả xét hỏi tranh tụng tại phiên tòa đã xác định được: Ngày 15/3/2018 Nguyễn Viết T và Nguyễn Văn N đánh bạc với tổng số tiền là 109.334.000 đồng, trong đó Hoàng Đình Đ đánh bạc với số tiền là: 10.990.000 đồng; Nguyễn Thị T1 đánh bạc với số tiền là 15.680.000 đồng và các đối tượng khác chưa xác định được tên và địa chỉ với số tiền là 82.664.000 đồng. Mặc dù T khai tại Cơ quan điều tra tổ chức chơi đánh bạc từ khoảng tháng 08 năm 2017 nhưng không có căn cứ nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với Lều Văn H, Lý Ngọc Đ (Đ Tây), Trần Văn Th1, Đào Phương L, Lê Quang V đều không thừa nhận việc mua bán lô, đề với T. Những người có tên Ngọc A, M và L không xác định được tên cũng như địa chỉ, tuy không đủ căn cứ để xử lý về hành vi đánh bạc, nhưng Nguyễn Viết T khẳng định những người này có chuyển bảng lô, đề và số tiền cá cược với T nên xác định số tiền 82.664.000 đồng cũng là tiền sử dụng vào việc đánh bạc.

Các bị cáo Nguyễn Viết T, Nguyễn Văn N, Hoàng Đình Đ, Nguyễn Thị T1 đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật. Nhưng vì mục đích, động cơ vụ lợi mà các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội đánh bạc. Các bị cáo Nguyễn Viết T, Nguyễn Văn N đánh bạc với tổng số tiền là 109.334.000 đồng nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là “*Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên*”. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố các bị cáo Nguyễn Viết T, Nguyễn Văn N về tội Đánh bạc, theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Hoàng Đình Đ, Nguyễn Thị T1 về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Viết T là người giữ vai trò chính, là người bán số lô, số đề và nhận bảng lô, đề của những thư ký, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình

sự cao hơn các bị cáo khác. Nguyễn Văn N giữ vai trò đồng phạm giúp sức tích cực cho T, là người theo dõi cập nhật việc mua bán số lô, số đề của những người chơi chuyên đến thông qua điện thoại di động, đi thanh toán tiền thắng thua cho các thư ký ghi lô đề hàng ngày cho T. Hoàng Đình Đ là thư ký trực tiếp ghi bán số lô, số đề, chuyển bảng số lô, số đề cho T đồng thời Đ cũng trực tiếp chơi số lô, số đề nên cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo; bị cáo Nguyễn Thị T1 là người trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc cùng với bị cáo T.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng và là nguồn gốc làm phát sinh các tội phạm khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Đồng thời hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng đến cuộc sống, hạnh phúc của nhiều gia đình mà trước tiên là chính gia đình của từng bị cáo. Vì vậy, cần xét xử vụ án nghiêm minh, áp dụng cho mỗi bị cáo một mức hình phạt thoả đáng, tương xứng với vị trí, vai trò, hành vi phạm tội của từng bị cáo để cải tạo, giáo dục riêng đối với mỗi bị cáo và làm bài học răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử, xét thấy: Cả 04 bị cáo đều không có tiền án tiền phạm, tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa 04 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên 04 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo T, N, Đ, T1 đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Hoàng Đình Đ và Nguyễn Thị T1 đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo Đ, T1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T có bố đẻ được tặng nhiều bằng khen, huy hiệu 30 năm tuổi đảng; gia đình bị cáo có đơn xin giảm án. Bị cáo Đ có thời gian đi thanh niên xung phong, có bố đẻ được thưởng Huân chương kháng chiến, Huân chương chiến sỹ vẻ vang. Bị cáo T1 đã tự ra đầu thú, có bố đẻ được tặng Huy chương chiến sỹ giải phóng, Huy chương chiến sỹ vẻ vang, Bằng khen, bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương có xác nhận và đề nghị của Ủy ban nhân dân xã M nên các bị cáo T, Đ, T1 đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, xét cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo T, bị cáo N, tiếp tục các ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo và đề phòng ngừa chung. Bị cáo Đ và bị cáo T1 là đồng phạm trong vụ án đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo Đ bị tạm giam tính đến nay đã trên 06 tháng nên chỉ cần xử bị cáo Đ mức hình phạt 07 tháng tù và xử cho bị cáo T1 được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe đối với các bị cáo.

[4] Về áp dụng hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự thì: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*” nên cần áp dụng hình phạt bổ sung để phạt tiền đối với các bị cáo T, N và Đ. Bị cáo T1 có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang trong thời gian điều trị bệnh tim và u tuyến giáp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp:

Đối với các tài sản, đồ vật đã thu giữ của bị cáo T:

+ 01 điện thoại di động Nokia màu nâu; 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu đen; 01 hộp bìa niêm phong bên trong có 01 máy tính laptop nhãn hiệu Acer màu đen trắng; số tiền 21.200.000 đồng; 05 thẻ ngân hàng (01 thẻ Vietinbank, 01 thẻ Vietcombank, 01 thẻ BacA bank, 01 thẻ BIDV, 01 thẻ Agribank); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Văn Thu; 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng Nguyễn Việt T và Lê Quang V; 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA màu đen, BKS 89A-08719; 01 giấy biên nhận thế chấp số 04 ngày 19/01/2018 của Ngân hàng Quốc dân chi nhánh Hưng Yên. Kết quả điều tra không có căn cứ chứng minh tài sản, đồ vật giấy tờ trên liên quan tội phạm, nên giao trả lại cho bị cáo.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu ghi đen (kèm 01 sim); 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu trắng; 02 máy tính nhãn hiệu Casio T dùng vào việc phạm tội nên tịch thu cho phát mại nộp ngân sách nhà nước.

+ 01 phong bì hoàn mẫu vật giám định không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

+ Những tài liệu gồm: 01 tập vở kẻ ngang, bên trong có 04 tờ giấy kẻ ngang; 01 quyển sổ, bên trong có 21 tờ giấy kẻ ngang; 01 tờ giấy A4 một mặt có các chữ và số; 02 quyển sổ bìa cứng màu xanh; 02 quyển sổ đầu kẹp lò xo; 100 tờ giấy hóa đơn nộp tiền và biên lai thu tiền ngân hàng thu của T được lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Đối với các tài sản, đồ vật đã thu giữ của bị cáo Đ:

+ 01 tờ giấy kích thước 15x20cm là cap đề và 01 quyển sổ Hải Tiến là tài liệu chứng cứ lưu hồ sơ vụ án.

+ 01 chiếc máy tính CASIO, 01 điện thoại di động NOKIA (kèm 02 sim) Đ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước.

+ 05 tờ giấy lịch, 02 chiếc bút bi không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy

+ Đối với số tiền 2.230.000 đồng (trong đó có 1.740.000đ bán lô, đề cho anh Trần Văn Th và 490.000đ bán số lô, đề cho một số người khác) là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với các tài sản, đồ vật đã thu giữ của bị cáo N:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng bị cáo N dùng vào việc phạm tội nên tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước.

Đối với các tài sản, đồ vật đã thu giữ của bị cáo T1: 01 điện thoại di động samsung màu vàng đen đã cũ (kèm 02 sim) là phương tiện bị cáo sử dụng phạm tội nên tịch thu cho phát mãi sung quỹ Nhà nước.

Đối với các tài sản, đồ vật đã thu giữ của anh Nguyễn Văn T2:

+ 01 cặp đề có ghi chữ, số với số tiền 2.080.000 đồng (ký hiệu A1) là tài liệu chứng cứ lưu hồ sơ vụ án.

+ số tiền 2.100.000 đồng T2 có mục đích dùng đánh bạc nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 cặp lô đề có các chữ và số với số tiền 1.740.000 đồng (ký hiệu A2) đã thu giữ của anh Trần Văn Th là tài liệu chứng cứ lưu hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 15.680.000 đồng bị cáo T1 sử dụng vào việc đánh bạc và số tiền 6.660.000 đồng bị cáo Đ sử dụng vào việc đánh bạc chưa thu hồi được cần truy thu của bị cáo T1 và bị cáo Đ số tiền này sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo T, N, Đ, T1 phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Viết T, Nguyễn Văn N, Hoàng Đình Đ, Nguyễn Thị T1 đều phạm tội Đánh bạc.

- Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Phạt: Bị cáo Nguyễn Viết T 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 15/3/2018.

Phạt: Bị cáo Nguyễn Viết T 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng chẵn) sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 15/3/2018.

Phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 10.000.000đ (mười triệu đồng chẵn) sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Phạt: Bị cáo Hoàng Đình Đ 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 15/3/2018.

Phạt: Bị cáo Hoàng Đình Đ 10.000.000đ (mười triệu đồng chẵn) sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/10/2018. Giao bị cáo T1 cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Không phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị T1.

[2]. Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo T: 01 điện thoại di động Nokia màu nâu; 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu đen; 01 máy tính laptop nhãn hiệu Acer màu đen trắng (Được niêm phong trong 01 hộp bìa); số tiền 21.200.000đ (*Hai mươi một triệu hai trăm ngàn đồng*); 05 thẻ ngân hàng (01 thẻ Vietinbank, 01 thẻ Vietcombank, 01 thẻ BacA bank, 01 thẻ BIDV, 01 thẻ Agribank); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Văn Thu; 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng Nguyễn Viết T và Lê Quang V; 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA màu đen, BKS 89A-08719; 01 giấy biên nhận thế chấp số 04 ngày 19/01/2018 của Ngân hàng Quốc dân chi nhánh Hưng Yên.

- Tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu ghi đen (kèm 01 sim); 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu trắng; 02 máy tính nhãn hiệu Casio của T; 01 chiếc máy tính CASIO và 01 điện thoại di động NOKIA (kèm 02 sim) của Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng của N; 01 điện thoại di động samsung màu vàng đen (kèm 02 sim) của T1.

- Tịch thu cho tiêu hủy các đồ vật không có giá trị: 05 tờ giấy lịch; 02 chiếc bút bi; 01 phong bì hoàn mẫu vật giám định.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 4.330.000đ (*bốn triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng*).

(Số tiền tịch thu và trả lại đang gửi tại Kho bạc nhà nước tỉnh Hưng Yên theo giấy nộp tiền ngày 28/3/2018)

(Chứng loại, số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo quyết định chuyển vật chứng số 21/QĐ - VKS - P2 ngày 07/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên).

Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị T1 số tiền 15.680.000đ (mười năm triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng) sung quỹ nhà nước.

Truy thu của bị cáo Hoàng Đình Đ số tiền 6.660.000đ (sáu triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng) sung quỹ nhà nước.

[3]. Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Viết T, Nguyễn Văn N, Hoàng Đình Đ, Nguyễn Thị T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

"Trò hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

[4]. Về quyền kháng cáo :

Bản án xét xử sơ thẩm, công khai có mặt các bị cáo và chị Nguyễn Minh H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Đã báo cho các bị cáo và chị H biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho người có quyền lợi liên quan vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa hình sự - TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- PC47- CA tỉnh Hưng Yên ;
- Phòng hồ sơ NVCS - CA tỉnh Hưng Yên;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

Nguyễn Văn Hoan